

Số: 21/2026/QĐST-HNGĐ

Phú Thọ, ngày 15 tháng 4 năm 2026.

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - PHÚ THỌ**

Căn cứ vào khoản 2 Điều 149; Điều 212; Điều 213; Điều 396 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 163/2026/TLST-HNGĐ, ngày 01 tháng 4 năm 2026 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Anh **Trần Tuấn A**, sinh năm: 1993; trú tại: **TDP Đ, phường V, tỉnh Phú Thọ**; Số CCCD: 0260 9300 3619 do **Cục C** về TTXH cấp ngày 01/09/2021 và chị **Nguyễn Thị Thu G**, Sinh năm: 1997; trú tại: **Thôn L, xã X, tỉnh Phú Thọ**; Số CCCD: 026197002688 do **Cục C** về TTXH cấp ngày 01/09/2021.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn ly hôn và hòa giải đoàn tụ không thành lập ngày 07/4/2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

[2] Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh **Trần Tuấn A** và chị **Nguyễn Thị Thu G** đều xác định vợ chồng không còn tình cảm, đều đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

Về con chung: Anh chị thống nhất có 01 (một) người con chung: Cháu **Trần Ngọc N**, sinh ngày 17/08/2020. Khi ly hôn anh **Tuấn A** và chị **G** thống nhất để cho chị **G** nuôi cháu **N** và anh **T** có nghĩa vụ thực hiện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 3.000.000 đồng/tháng (Bằng chữ: Ba triệu đồng chẵn), kể từ tháng 5/2026 cho đến khi cháu **N** đủ 18 tuổi và có quyền thăm nom con chung không ai được ngăn cản.

Về tài sản, công sức, công nợ và các vấn đề khác: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí việc dân sự: Anh **Trần Tuấn A** tự nguyện nộp 300.000đ, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0002441 ngày 26 tháng 3 năm 2026 của cơ quan Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ. Anh **Trần Tuấn A** đã nộp đủ lệ phí việc dân sự.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án chưa thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án. Lãi suất phát sinh do chậm thi hành án theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 9-Phú Thọ;
- THADS tỉnh Phú Thọ;
- UBND phường Vĩnh Yên (ĐKKH ngày 08/11/2019);
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

Nguyễn Thị Hồng Hạnh

